

Bản án số: **22/2018/HS-ST**.

Ngày: 31-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đặng Thu Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Quốc Sơn**

Bà Trần Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: **Bà Dương Thị Kim Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn L - Sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Văn K (đã chết) và bà Lưu Thị B (SN 1956); Có vợ là: Trịnh Thị T1 (SN 1988); Có 02 con, lớn SN 2009, nhỏ SN 2011; Tiền án, tiền sự: Chưa; danh chỉ bản số 558 ngày 02/10/2017, tại Công an quận Nam Từ Liêm; Bị bắt, tạm giam ngày 27/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội (*Có mặt*).

2. Kiều Văn T - Sinh năm 1989; Nơi cư trú: thôn V, xã B1, huyện H, thành phố N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Kiều Văn T2 (SN 1963) và bà Lê Thị T3 (SN 1964); Có vợ là: Đặng Thị Như Q (SN 1993); Có 02 con, lớn SN 2013, nhỏ SN 2015; Tiền án, tiền sự: Chưa; danh chỉ bản số 588 ngày 27/10/2017, tại Công an quận Nam Từ Liêm. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*Có mặt*).

3. Phạm Huy H - Sinh năm 1996; Nơi cư trú: thôn Q, xã C, huyện S, tỉnh D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn S (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T; (SN 1966) có vợ là: Đỗ Thị L (SN 1998); Có 02 con, lớn SN 2014, nhỏ SN 2017; Tiền án, tiền sự: Chưa; danh chỉ bản số 587 ngày 17/10/2017, tại Công an quận Nam Từ Liêm. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*Có mặt*).

4. Trần Văn D - Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Xóm X, xã G, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn B (SN 1965) và bà: Lê Thị L (SN 1966); Tiền án, tiền sự: Chưa; danh chỉ bản số 586 ngày 17/10/2017, tại Công an quận Nam Từ Liêm. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*Có mặt*).

* **Người bị hại:** 1. **Anh Lương Văn N** – Sinh ngày 16/7/2000, HKTT: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Đ (*Vắng mặt*)

2. **Ông Lương Văn A** – Sinh năm 1980; HKTT: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Đ (*Vắng mặt*)

* **Người đại diện hợp pháp cho anh Lương Văn N:** **Ông Lương Văn An** (bố đẻ) – Sinh năm 1980; HKTT: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Đ (*Vắng mặt*)

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lương Văn N:** **Ông Trương Công Đình** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc chi nhánh số 5 – Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hà Nội (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/08/2017, Lưu Văn L có thuê anh Lương Văn N cùng 01 người bạn của anh N tên là C1 (chưa xác định được nhân thân) vào làm công nhân tại công trình xây dựng doanh trại Quân đội số 135 đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội. Do anh N và C1 không có tiền đi xe khách từ Điện Biên đến Hà Nội và gửi tiền cho gia đình nên L đã tạm ứng trước cho anh N, C1, mỗi người 1.300.000 đồng. Sau khi nhận tiền tạm ứng của L, đến chiều cùng ngày, anh N, C1 đã bỏ trốn. Do bức tức, L muốn tìm anh N để lấy lại tiền nên đã gửi ảnh của anh N qua mạng xã hội Zalo cho Kiều Văn T (làm xe ôm tại bến xe khách Mỹ Đình), nhờ T tìm, bắt giữ N cho L.

Ngày 23/09/2017, anh Lương Văn N từ Điện Biên xuống Hà Nội để tìm việc làm. Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh N đi bộ vào khu nhà trọ tại ngõ 252 đường P, Đ phường M2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Kiều Văn T phát hiện, yêu cầu anh N lên xe để đưa đến gặp L. T gặp Phạm Huy H điều khiển xe taxi Uber từ trong ngõ đi ra. T bảo H đưa anh N và T đến công trường của L. Trên xe, T nói với H việc L nhờ tìm, bắt giữ anh N cho L. Khi H chở T và anh N đến công trường L đang thi công tại số 135 đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội, L đã dùng tay tát vào mặt anh N 2 cái và nói “mày có chạy đằng trời”. H bảo T “*Anh bảo anh L xem tiền công anh em mình đi làm thế nào*”. T yêu cầu L trả công bắt giữ N là 1.500.000 đồng. Do chưa có tiền trả, L bảo T đưa anh N về khu trọ của H. T và H đưa anh N về phòng trọ trong ngõ 252 đường Mỹ Đình, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và chốt cửa ngoài nhốt anh N trong phòng rồi đi làm. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại báo L đến đón anh N. L cùng Điệp (là công nhân làm thuê cho L, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) đi xe máy đến đón anh N. Trên đường đi, L mua một dây xích dài khoảng

1,5m cùng 02 khóa Việt Tiệp màu vàng với giá 160.000 đồng để khóa, giữ N tại lán. Khi đưa N về lán xây dựng tại số 135 đường M, phường M1, Nam Từ Liêm, L dùng dây xích vừa mua xích N vào cột dựng lán. L đưa điện thoại và yêu cầu anh N cho gọi bố anh N là ông Lường Văn A, yêu cầu đem tiền đến trả L, nhưng ông An không đến. Sáng ngày 23/9/2017, L đưa chìa khóa bảo Lê Văn D1 (sinh năm 1996, HKTT: xã Đ1, huyện Y, Thanh Hóa) mở xích cho anh N đi vệ sinh. Lợi dụng sơ hở, anh N bỏ chạy. Dự hô hoán và cùng L, Trịnh Đăng Đ (sinh năm 1985, HKTT: Thôn Y1, thị trấn Q, huyện Y, Thanh Hóa) chạy bộ đuổi theo khoảng 30m nhưng không đuổi kịp nên quay về. Trần Văn D cùng Đ đi xe máy đuổi theo khoảng 400m, chặn đầu bắt giữ được anh N và đưa về lán. L tiếp tục dùng xích khóa anh N và dọa chặt gãy chân nếu còn có ý định bỏ trốn. Đ dùng 01 thanh gỗ ván ghép sàn đánh 2 phát vào chân anh N. Trưa cùng ngày, Trịnh Xuân L (sinh năm 1994, HKTT: thôn B, xã Đ, huyện Y, Thanh Hóa) từ quê ra nghe chuyện anh N nhận tiền của L rồi bỏ trốn nên đã dùng tay tát anh N 02 cái. L đưa điện thoại yêu cầu anh N gọi cho ông A yêu cầu mang số tiền 6.000.000 đồng đến trả thì mới thả N.

Sáng ngày 25/9/2017, ông An đến công trường gặp L, thấy anh N bị xích ở cột lán công trường. Ông A đưa cho L 2.000.000 đồng, L không đồng ý. Chiều cùng ngày, ông A đến lán công trường đưa cho L 3.500.000 đồng nhưng L vẫn yêu cầu đưa đủ 6.000.000 đồng mới thả N. Đến tối cùng ngày, L yêu cầu anh N gọi điện thoại cho ông A, bắt mang đủ 10.000.000 đồng mới cho anh N về và dọa “*nếu không sẽ đánh chết N*”.

Sáng ngày 26/9/2017, do không có đủ tiền để đưa cho L nên ông A đã đến Công an phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm trình báo.

Vật chứng thu giữ: 01 đoạn dây xích bằng kim loại màu trắng dài 1,5m; 02 khóa Việt Tiệp màu vàng và 02 chùm chìa khóa; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J5 màu nâu có số sim 0972806974.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân đối tượng tên Đ nên đã ra Quyết định tách, rút tài liệu liên quan đến Đ, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra, anh Lường Văn N có đơn từ chối giám định thương tích. Anh N và ông Lường Văn A không yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Ngày 21/12/2017, Công an quận Nam Từ Liêm ra Quyết định xử phạt hành chính đối với anh Lường Văn N số tiền 750.000 đồng (1/2 mức tiền phạt do N dưới 18 tuổi) về hành vi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự; Quyết định xử phạt hành chính đối với Trịnh Văn Thắng, Trịnh Đăng Định số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ – CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

Hành vi của Lê Văn D có mức độ, chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về số tiền 1.300.000 đồng mà anh Lương Văn N chiếm đoạt của Lưu Văn L, L không yêu cầu anh N trả lại và không đề nghị gì về dân sự.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 08/1/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Lưu Văn L về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Kiều Văn T, Phạm Huy H và Trần Văn D về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận như nội dung cáo trạng nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lương Văn N (bị hại) đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật để xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp nhằm giáo dục và răn đe. Tuy nhiên, cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì trong vụ án này, người bị hại là anh N cũng có lỗi một phần.

* Đại diện Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức hình phạt, cụ thể:

+ Bị cáo Lưu Văn L 06- 9 tháng tù về tội Bắt, giữ người trái pháp luật; 12- 15 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18- 24 tháng tù.

+ Các bị cáo Kiều Văn T, Phạm Huy H và Trần Văn D, mỗi bị cáo từ 06- 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12- 18 tháng.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây xích bằng kim loại; 02 khóa Việt Tiệp màu vàng và 02 chùm chìa khóa; Tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung J5, số sim 0972806974 do có liên quan đến việc phạm tội.

Về dân sự: Người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời

khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/9/2017, tại ngõ 252 đường M, phường M2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Kiều Văn T, Phạm Huy H đã có hành vi bắt, giữ anh Lường Văn N đưa về công trường tại số 135 đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tại đây, Lưu Văn L đã có hành vi bắt, dùng xích sắt xích chân anh N vào cột lán công trường. Khi anh N lợi dụng sơ hở bỏ chạy, Trần Văn D đã đuổi bắt, đưa anh N về lán công trường tiếp tục xích, giữ anh N. Ngày 25/9/2017, Lưu Văn L đã có hành vi đe dọa sẽ gây thương tích cho N nếu không đưa tiền để buộc bố đẻ của anh N là ông Lường Văn A phải đưa cho L 10.000.000 đồng. Do lo sợ con trai bị đánh và không có tiền đưa cho L nên ông A đã trình báo cơ quan công an.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lưu Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 1999 và tội *Cưỡng đoạt tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự 1999; Hành vi của các bị cáo Kiều Văn T, Phạm Huy H và Trần Văn D đủ yếu tố cấu thành tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 1999. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân. Ngoài ra, hành vi của bị cáo Lưu Văn L còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, cần phải có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo Lưu Văn L giữ vai trò chính, là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bị xét xử cùng một lần về 2 tội nên cần áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội và cần tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe. Tiếp theo là các bị cáo Kiều Văn T, Phạm Huy H và Trần Văn D phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bởi lẽ: cả 4 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo T, H và D phạm tội lần đầu và thuộc H hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo L lần đầu phạm tội, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, thuộc danh sách hộ nghèo, cận nghèo được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, về nguyên nhân dẫn đến vụ án cũng có một phần lỗi do người bị hại là anh Lường Văn N nhận tiền của bị cáo L rồi bỏ trốn không trả, dẫn đến việc bị cáo bức xúc gây ra hành vi phạm tội.

Đối với các bị cáo T, H và D có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nh□ viện dẫn, có nơi c□ trú rõ ràng nên có thể cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội với

thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét

[4] Về vật chứng vụ án: 01 đoạn dây xích bằng kim loại màu trắng dài 1,5m; 02 khóa Việt Tiệp màu vàng và 02 chùm chìa khóa liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 màu nâu có số sim 0972806974 thu của Lưu Văn L có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn L phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cuồng đoạt tài sản”. Tuyên bố các bị cáo Kiều Văn T, Phạm Huy H và Trần Văn D phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1.- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999:

+ Xử phạt **Lưu Văn L 03 (ba) tháng tù** về tội Bắt giữ người trái pháp luật; **12 (mười hai) tháng tù** về tội Cuồng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **15 (mười lăm) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2017.

- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 123; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999:

+ Xử phạt **Kiều Văn T 03 (ba) tháng tù nh□ng cho h□ng án treo**. Thời hạn thử thách 12 (m□ời hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Đội Bình, huyện □ng Hòa, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

+ Xử phạt **Phạm Huy H 03 (ba) tháng tù nh□ng cho h□ng án treo**. Thời hạn thử thách 12 (m□ời hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Hải D□ong để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

+ Xử phạt **Trần Văn D 03 (ba) tháng tù nh□ng cho h□ng án treo**. Thời hạn thử thách 12 (m□ời hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong tr□ong hợp ng□ời đ□ọc h□ng án treo thay đổi nơi c□ trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. - Căn cứ vào: Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây xích bằng kim loại sáng màu, dài khoảng

150cm; 02 khóa Việt Tiệp màu vàng và 02 chùm chìa khóa;

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 màu nâu, số sim 0972806974.

Số tang vật trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm theo biên bản giao nhận vật chứng số 51 ngày 10/01/2018.

Các bị cáo Lưu Văn L, Kiều Văn T, Phạm Huy H và Trần Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- bị hại; Người đại diện hợp pháp của người bị hại,
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TPHN;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thu Phương